

Số: 250/2024/QĐST-DS

Quận 11, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: 266 – 268 đường NK, Phường VS, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 278 đường NK, Phường VS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1993 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3598/2024/UQ-TGD ngày 13/5/2024).

Bị đơn: Bà Hồng Thị U, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 341/11H đường LQ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vương Hồng P, sinh năm 2005 là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 00003793, quyền số 07/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Bà Hồng Thị U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 134.529.446 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng), (trong đó nợ gốc là 71.293.734 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 21/8/2024 là 63.235.712 đồng), hạn chót vào ngày 01/10/2024.

Kể từ ngày 22/8/2024 bà Hồng Thị U còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng)

được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Hồng Thị U tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bà Hồng Thị U không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền như trên ở thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Út trả hết số tiền còn nợ, trả một lần sau khi có Đơn thi hành án của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

b) Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 3.363.236 đồng, bà Hồng Thị U chịu.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.719.674 đồng (Hai triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022895 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Quận 11;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mỹ Duyên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).